

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HS-ST.
Ngày: 29/4/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông P. L. L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông P. T. L.

2. Bà N. T. D.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS, ngày 18 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 04 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **N. T. T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 24/05/1983, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Ngu nghiệp; Con ông: N. T. N, SN: 1953 và bà: M. T. B, SN: 1954; Vợ: N. T. T, sinh năm: 1987; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2021 đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **P. V. T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/06/1980, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Ngu nghiệp; Con ông: P. V. B, SN: 1949 và bà: M. T. H, SN: 1951; Vợ: N. T. T, sinh năm: 1978; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày

29/12/2020 đến ngày 07/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

3. Họ và tên: **N. T. T. L**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 11/06/1996, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: N. T. H, SN: 1969 và bà: N. T. Đ, SN: 1969; Vợ: T. T. T. S, sinh năm: 1996; Con: 01 người, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

4. Họ và tên: **H. V**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/10/1989, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: H. T. C, SN: 1961 và bà: P. T. T, SN: 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 29/12/2020 đến ngày 07/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

5. Họ và tên: **N. V. Đ**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/09/1989, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Con ông: N. V. T, SN: 1966 và bà: T. T. K, SN: 1968; Vợ: N. T. T (chết); Con: 01 người, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông N. T. Đ; sinh năm 1983. *(Có mặt)*.

Địa chỉ: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B.

- Ông P. V. V; sinh năm 1985. *(Có mặt)*.

Địa chỉ: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B.

- Ông N. V. H; sinh năm 1988. *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 19/12/2020, N. T. T. L đến nhà N. T. T ở thôn L, xã K, huyện A để rủ N.T.T đánh bạc. N.T.T đồng ý và nói N.T.T.L rủ thêm người đến nhà N.T.T để chơi thì N.T.T.L nói đã rủ được N.V.Đ và N.T.Đ sẽ đến tham gia. Khoảng 13h cùng ngày, N.V.Đ, N.T.Đ, P.V.T và H.V (đều ở cùng thôn) đến nhà của N.T.T, N.T.T đã đi mua 02 bộ bài tây 52 lá, 02 gói thuốc lá, 12 lon nước ngọt để phục vụ cho việc đánh bạc. Trong lúc đó thì H.V đã gọi điện thoại và rủ P.V.V ở cùng thôn đến nhà của N.T.T để tham gia. Khi về nhà, N.T.T trải một tấm chăn ở một góc phòng nhà bếp là nơi kín đáo để các đối tượng đánh bạc. Lúc này P.V.T, N.T.T.L, H.V và N.V.Đ sử dụng một bộ bài tây để đánh bạc với nhau bằng hình thức binh xập xám, thỏa thuận mỗi người lấy 3.000.000^d để ra ngoài gọi là tiền “tẩy” để chơi, nếu thua hết số tiền đó thì có thể lấy tiền khác ra chơi tiếp hoặc thôi. Cách chơi chia làm bốn phần mỗi người 13 lá bài xếp thành 03 chi theo thứ tự từ nhỏ đến lớn (chi 01 nhỏ nhất có 03 lá; chi giữa có 05 lá và chi cuối lớn nhất có 05 lá). Cách tính thắng thua bằng tiền mỗi chi là 50.000^d so đều 4 người với nhau theo từng chi tương ứng. Nếu người nào được “mậu binh” (tức tới trắng) thì thắng của những người còn lại 300.000^d/người và để ra ngoài 30.000^d gọi tiền “xâu” để chủ nhà N.T.T trả tiền mua bài, thuốc, nước đã phục vụ. P.V.T cầm theo sử dụng 5.380.000^d, N.T.T.L cầm theo 3.800.000^d, H.V sử dụng 5.800.000^d và N.V.Đ sử dụng 3.000.000^d. Tổng số tiền đánh bạc ở chiều này là 17.980.000^d.

Đến khoảng 14h cùng ngày, N.V.H ở gần đây biết nhà N.T.T đang có người đánh bạc nên cũng đến tham gia N.V.H, N.T.Đ, P.V.V và N.T.T (chủ nhà) lập chiếu bạc thứ hai cũng đánh bài binh xập xám thắng thua bằng tiền mỗi chi bài là 30.000^d. N.T.T sử dụng 140.000^d và N.T.Đ sử dụng 810.000^d để chơi. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của chiều này là 2.250.000^d.

Hai chiếu bạc cùng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện A phát hiện lập biên bản bắt quả tang, tạm giữ tại hiện trường được 04 người gồm: P.V.T, N.T.T.L, H.V và N.T.Đ; Thu giữ: 02 bộ bài tây 52 lá, một tấm chăn màu đỏ, tiền tại chiếu bạc thứ nhất 7.700.000^d, tiền tại chiếu thứ hai là 1.740.000^d; Tiền trên người các đối tượng dùng để đánh bạc 6.490.000^d cụ thể: P.V.T: 2.380.000^d, N.T.T.L: 800.000^d, H.V: 2.800.000^d, N.T.Đ: 510.000^d.

N.T.T, N.V.Đ, N.V.H và P.V.V bỏ chạy thoát. Đến 20h cùng ngày thì N.T.T, P.V.V và N.V.H đến Công an trình diện, ngày 04/01/2021 N.V.Đ đã ra đầu thú và giao nộp số tiền 4.300.000^d là số tiền dùng để đánh bạc mà N.V.Đ đã cầm bỏ chạy khỏi hiện trường.

Toàn bộ số vật chứng của vụ án gồm: Tiền Việt Nam đồng 20.230.000^d, 02 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 01 tấm chăn màu đỏ kích thước (129x176)cm được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện tạm giữ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSPC, ngày 16/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo N.T.T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của BLHS năm 2015; truy tố các bị cáo N.T.T.L, P.V.T, H.V và N.V.Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” như cáo trạng đã nêu không có bổ sung gì và đề nghị HĐXX:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo N.T.T từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS để xử phạt bị cáo N.T.T.L từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt các bị cáo H.V, P.V.T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo N.V.Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 đề nghị HĐXX:

+ Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.230.000^d các bị cáo dùng để đánh bạc.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây 52 lá, 01 tấm chăn màu đỏ đã qua sử dụng mà các bị cáo đã sử dụng làm công cụ để đánh bạc.

Trong phần tranh luận, các bị cáo N.T.T, N.T.T.L, P.V.T, H.V và N.V.Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác, các biên bản kiểm tra, thu giữ đồ vật có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Vì muốn tước đoạt tiền bạc của nhau nên trưa ngày 29/12/2020 N.T.T.L đã đến nhà N.T.T ở thôn L, xã K, huyện A với mục đích rủ N.T.T đánh bạc tại nhà của N.T.T. Được N.T.T đồng ý và nói N.T.T.L rủ thêm người đến chơi. Khi N.V.Đ, N.T.Đ, P.V.T và H.V đến, N.T.T đã đi mua bài tây, thuốc lá, nước ngọt và sử dụng tấm chăn trải ở góc nhà bếp là nơi kín đáo của nhà mình cho các con bạc khác là P.V.T, N.T.T.L, H.V và N.V.Đ đánh bạc bằng hình thức binh xập xám, thắng thua bằng tiền với tổng số tiền bốn đối tượng sử dụng là 17.980.000^d để đánh bạc trái phép với nhau. Còn lại N.T.T, P.V.V và N.T.Đ không đem theo nhiều tiền và không đủ người nên ngồi xem. Khi N.V.H ở gần đó biết nhà N.T.T có người đang đánh bạc nên đến tham gia thì N.T.T, P.V.V, N.T.Đ và N.V.H đã lập chiếu bạc thứ hai để sát phạt nhau nhưng chơi nhỏ hơn. Tổng số tiền của chiếu bạc này là 2.250.000^d. Hai chiếu bạc đang sát phạt nhau thì Công an huyện A phát hiện bắt quả tang thu giữ tang vật vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 29/12/2020 tại nhà của N.T.T thuộc thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B.

Trong vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp. Các bị cáo là những công dân có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn tham gia đánh bạc sát phạt lẫn nhau, để được thắng thua bằng tiền một cách trái pháp luật.

Đối với bị cáo N.T.T khi biết các con bạc rủ nhau đến nhà mình để đánh bạc đã không ngăn cản mà còn đồng ý chuẩn bị các công cụ như bài, thuốc, nước và lấy chăn trải góc nhà bếp để các con bạc đánh bạc.

Tuy chưa có đủ cơ sở để xác định N.T.T thu lợi được từ việc nộp lấy tiền “xâu” nhưng các con bạc cũng đã thống nhất sẽ để lại 30.000^d/1 ván tới trắng để trả tiền cho N.T.T đã phục vụ cho việc đánh bạc. Đồng thời N.T.T đã có hành vi sử dụng địa điểm là nhà của mình chuẩn bị công cụ để các đối tượng tập trung lập 02 chiếu bạc đánh bạc cùng một lúc nên đã đến mức phải xử lý hình sự về hành vi tổ chức đánh bạc.

Đối với N.T.T.L, N.V.Đ, P.V.T và H.V đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc 17.980.000^d đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc nên phải xử lý về hình sự.

Hành vi của N.T.T, N.T.T.L, N.V.Đ, H.V và P.V.T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống lành mạnh của cộng đồng dân cư và làm mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương do đó cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo N.T.T về tội: “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 322 BLHS; Các bị cáo: N.T.T.L, N.V.Đ, N.V.H và H.V về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

HĐXX kết luận bị cáo N.T.T về tội: “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 322 BLHS; Các bị cáo: N.T.T.L, N.V.Đ, N.V.H và H.V về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321. Do đó cần phải xét xử các bị cáo bằng mức án nghiêm minh nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ý ăn năn hối cải. Tất cả các bị cáo đánh bạc đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo N.T.T và N.V.Đ sau khi bỏ chạy khỏi hiện trường đã đến đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

Xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt việc đánh bạc chỉ là bộc phát phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo tự cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với chiếu bạc thứ 2 gồm N.T.T, N.T.Đ, N.V.H và P.V.V thì tổng số tiền sử dụng cho việc đánh bạc của 04 đối tượng là 2.250.000^d thì chưa đủ định lượng để xử lý hình sự về tội đánh bạc là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.230.000^d đã được thu giữ trong vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây loại 52 lá, 01 tấm chăn màu đỏ kích thước (129x176)cm đã qua sử dụng.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố:

- Bị cáo N.T.T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.
- Các bị cáo P.V.T, N.T.T.L, H.V, N.V.Đ phạm tội: “Đánh bạc”.

[2]. Áp dụng:

[2.1]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo N.T.T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/4/2021).

Giao bị cáo N.T.T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2.2]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo P.V.T 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ quy đổi thành $(9 \times 3) = 27$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là 08 (*Tám*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo P.V.T cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.3]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo N.T.T.L 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ quy đổi thành $(9 \times 3) = 27$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là 08 (*Tám*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N.T.T.L cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.4]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo H.V 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ quy đổi thành $(9 \times 3) = 27$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là 08 (*Tám*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo H.V cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[2.5]. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 BLHS để xử phạt bị cáo N.V.Đ 08 (*Tám*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành $(3 \times 3) = 9$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành 07 (*Bảy*) tháng 21 (*Hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N.V.Đ cho UBND xã K, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xét thấy các bị cáo không xác định được thu nhập ổn định hàng tháng nên không bị khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3].Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[3.1].Trách nhiệm dân sự: Không.

[3.2].Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS Điều 106 BLTTHS tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.230.000^d đã được thu giữ trong vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây loại 52 lá, 01 tấm chăn màu đỏ kích thước (129x176)cm đã qua sử dụng tất cả vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[4].Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo N.T.T, P.V.T, N.T.T.L, H.V, N.V.Đ phải chịu 200.000^d(Hai trăm ngàn đồng)án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L

